

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 95/2020/HNST

Ngày: 03/11/2020

V/v: “*Tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Thiện**

2. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Loan – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 03/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số 492/2020/TLST–HNST ngày 01/10/2020 về việc tranh chấp “*không công nhận quan hệ vợ chồng*”

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 659/2020/QĐST ngày 16/10/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **N.T.P**, sinh năm 1974 (*có mặt*)

Địa chỉ: 109 đường số 2, khu TĐC 923, khu vực 7, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **N.V.H**, sinh năm 1971 (*có mặt*)

Địa chỉ: 32 đường 30, khu Thới Nhứt, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày:

Bà và ông N.V.H chung sống như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc tuy nhiên về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường gây cãi, cuộc sống gia đình

không còn hạnh phúc. Vì vậy bà N.T.P khởi kiện yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông N.V.H.

- Về con chung: ông bà có 02 con chung là N.T.L (nam) sinh ngày 13/7/1997 đã trưởng thành và N.N.H (nữ) sinh ngày 28/01/2003. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H., không yêu cầu ông H. cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà P. về việc hai người chung sống như vợ chồng từ năm 1995 đến nay và không có đăng ký kết hôn.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là N.T.L (nam) sinh ngày 13/7/1997 đã trưởng thành và N.N.H (nữ) sinh ngày 28/01/2003. Ông đồng ý giao cháu H. cho bà P. trực tiếp nuôi dưỡng và ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn cũng thống nhất ý kiến với nguyên đơn về việc giải quyết quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng quy định pháp luật, việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở để kết luận bà N.T.P và ông N.V.H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Do nguyên đơn và bị đơn không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng của bà P. là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: xét thấy cháu N.N.H (nữ) sinh ngày 28/01/2003 hiện hay đang do bà P. trực tiếp nuôi dưỡng, hơn nữa nguyện vọng của cháu là muốn được sống chung với mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống và tâm sinh lý cho cháu nên giao cháu H. cho bà P. tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do các bên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: các bên trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Bà N.T.P và ông N.V.H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Bà P. khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, quyền nuôi con chung. Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “không công nhận quan hệ vợ chồng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa tiến hành các thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện*: Thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Bà P. và ông H. đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, đời sống chung phát sinh mâu thuẫn nên bà Phượng yêu cầu ly hôn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4.1] *Về con chung*: có 02 con chung là N.T.L (nam) sinh ngày 13/7/1997 đã trưởng thành và N.N.H (nữ) sinh ngày 28/01/2003. Xét thấy cháu N.N.H (nữ) sinh ngày 28/01/2003 hiện hay đang do bà P. trực tiếp nuôi dưỡng, hơn nữa nguyện vọng của cháu là muốn được sống chung với mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống và tâm sinh lý cho cháu nên giao cháu H. cho bà P. tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà P. không yêu cầu ông H. cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông N.V.H theo quy định pháp luật không ai được quyền ngăn cản.

[4.2] *Về tài sản chung, nợ chung*: bà P. và ông H. cùng thống nhất khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về án phí hôn nhân*: Nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 206, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N.T.P và ông N.V.H.

- Về con chung: giao cháu N.N.H (nữ) sinh ngày 28/01/2003 cho bà N.T.P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N.V.H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông N.V.H không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: các bên trình bày không có nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn bà N.T.P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 003051 ngày 11/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí. Đương sự đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nói trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Huyền Trang